

BẢN THUYẾT MINH
NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ THAY THẾ THÔNG TƯ 12/2014/TT-NHNN NGÀY 31/3/2014 QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Đảm bảo yêu cầu quản lý điều kiện vay nước ngoài chặt chẽ trong bối cảnh hiện tại

Thông tư 12/2014/TT-NHNN quy định điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (Thông tư 12) được xây dựng từ năm 2014. Về cơ bản, Thông tư 12 đã đặt ra khuôn khổ quản lý về điều kiện vay nước ngoài đối với doanh nghiệp không có bảo lãnh chính phủ, phù hợp với bối cảnh kinh tế trong những năm qua. Tuy nhiên, thời gian gần đây, vay nước ngoài của Tổ chức tín dụng (TCTD) và doanh nghiệp không phải TCTD (DN) có xu hướng gia tăng do DN, TCTD tận dụng mặt bằng lãi suất thấp trên thị trường quốc tế; nhiều DN phải vay vốn từ công ty mẹ, công ty thành viên để hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh dẫn đến nguy cơ không đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu về tổng hạn mức rút vốn ròng trung dài hạn và mức tăng dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm.

Để kiểm soát mức vay nước ngoài tự vay tự trả đảm bảo hạn mức hàng năm nhằm duy trì các ngưỡng nợ an toàn được Quốc hội phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ giao NHNN nghiên cứu xây dựng phương án quy định điều kiện vay chặt chẽ đối với hoạt động vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 12 với các điều kiện vay chặt chẽ hơn nhằm quản lý thận trọng khu vực này, đảm bảo các hạn mức nợ nước ngoài tự vay tự trả hàng năm, qua đó đảm bảo các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài quốc gia.

2. Đảm bảo tương thích với hệ thống pháp luật có liên quan mới được ban hành

Thông tư 12 được ban hành ngày 31/3/2014 trong đó có nhiều nội dung được xây dựng phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2005, Luật doanh nghiệp 2005. Sau khi Luật Đầu tư 2020, Luật Doanh nghiệp 2020 được ban hành và có hiệu lực, nhiều nội dung, thuật ngữ tại Luật Đầu tư 2005, Luật doanh nghiệp 2005 được xóa bỏ hoặc thay thế, do đó, việc điều chỉnh quy định về điều kiện vay nhằm tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan là cần thiết.

3. Từng bước tiếp cận phương pháp quản lý nợ nước ngoài mới, phù hợp với lộ trình tự do hóa tài khoản vốn và khuyến nghị của các Tổ chức quốc tế

Trong bối cảnh Việt Nam thực hiện lộ trình tự do hóa giao dịch vốn một cách thận trọng, phù hợp với khuyến nghị của IMF về tự do hóa các kiểm soát vốn đối với nợ nước ngoài, việc nghiên cứu, áp dụng một số điều kiện vay mang tính quản lý rủi ro, an toàn thận trọng (như: yêu cầu bảo hiểm rủi ro tỷ giá, hạn chế dư nợ vay cho các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, áp dụng mức trần chi phí vay) là cần thiết. Do

đó, NHNN nghiên cứu, quy định một số biện pháp quản lý mang tính kỹ thuật, tập trung vào quản trị rủi ro từ chính các DN, TCTD vay nước ngoài. Các quy định này cũng được nghiên cứu trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quản lý nợ nước ngoài của một số quốc gia có điều kiện tương đồng và phù hợp với các khuyến nghị của IMF đề xuất áp dụng đối với Việt Nam.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

Khoản 3 Điều 17 Pháp lệnh Ngoại hối (đã sửa đổi bổ sung) quy định: “3. *Người cư trú khi thực hiện vay, trả nợ nước ngoài phải tuân thủ các **điều kiện vay, trả nợ nước ngoài; thực hiện đăng ký khoản vay, mở và sử dụng tài khoản, rút vốn và chuyển tiền trả nợ, báo cáo tình hình thực hiện khoản vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.***”

Điều 9 Nghị định 219/2013/NĐ-CP về quản lý vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh (Nghị định 219) quy định trách nhiệm của NHNN “2. *Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng điều kiện vay nước ngoài tự vay, tự trả ngắn, trung, dài hạn trong từng thời kỳ.*”

Trên cơ sở các quy định nêu trên, NHNN được giao thẩm quyền ban hành quy định về điều kiện vay nước ngoài của DN tự vay tự trả hiện tại là quy định tại Thông tư 12/2014/TT-NHNN ngày 31/3/2014. Trên cơ sở đáp ứng yêu cầu quản lý phù hợp với bối cảnh thực tiễn, việc NHNN xây dựng thông tư thay thế Thông tư 12 là phù hợp với thẩm quyền của NHNN được quy định tại Pháp lệnh Ngoại hối và Nghị định 219 nêu trên.

III. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Xây dựng điều kiện vay chặt chẽ, có tính đến mức độ rủi ro của từng đối tượng đi vay nhằm đảm bảo các hạn mức, giới hạn vay nước ngoài tự vay tự trả được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm song vẫn hỗ trợ các nhu cầu sử dụng vốn vay nước ngoài hiệu quả, tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế trong từng giai đoạn cụ thể.

2. Đảm bảo tính minh bạch trong các quy định về điều kiện vay để các DN, TCTD có cơ sở thực hiện hoạt động vay nước ngoài theo nguyên tắc tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Đồng thời, việc đảm bảo minh bạch chính sách cũng là cơ sở để các cơ quan quản lý có điều kiện kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định.

3. Từng bước áp dụng các biện pháp quản lý vay trả nợ nước ngoài hướng tới mục tiêu quản trị rủi ro, an toàn thận trọng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài.

IV. BỐ CỤC DỰ THẢO

Dự thảo Thông tư kết cấu thành 5 Chương gồm: (i) Chương 1: Quy định chung; (ii) Chương 2: Điều kiện chung; (iii) Chương 3: Điều kiện bổ sung (gồm mục 1 quy định điều kiện áp dụng với nhóm TCTD và Mục 2 điều kiện áp dụng với nhóm không phải TCTD; (iv) Chương 4: Trách nhiệm của các bên liên quan và (v) Chương V: Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI CHÍNH SO VỚI THÔNG TƯ 12

Với mục đích xây dựng thông tư như báo cáo trên, dự thảo Thông tư tập trung xây dựng điều kiện áp dụng chung cho các bên đi vay và điều kiện riêng đối với hai nhóm đối tượng đi vay là TCTD và DN không phải TCTD, tập trung chính vào các giải pháp:

a. Điều kiện chung: (i) áp dụng trần chi phí vay nước ngoài; (ii) yêu cầu Bên đi vay thực hiện giao dịch phái sinh ngoại tệ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá; (iii) yêu cầu Bên đi vay lựa chọn tổ chức đại diện xử lý tài sản đảm bảo là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức là pháp nhân thành lập tại Việt Nam trong trường hợp khoản vay nước ngoài có tài sản đảm bảo trên lãnh thổ Việt Nam (có trường hợp ngoại trừ).

b. Điều kiện riêng: Từng nhóm đối tượng vay (TCTD và DN không phải TCTD) phải đáp ứng điều kiện riêng tương ứng gồm: (i) mục đích vay; (ii) giới hạn các mức vay nước ngoài (ngắn và trung dài hạn) và (iii) tỷ lệ đảm bảo an toàn áp dụng với nhóm TCTD.

VI. Các quy định mới về điều kiện vay nước ngoài được đề xuất tại dự thảo Thông tư

1. Về trần chi phí vay nước ngoài (Điều kiện áp dụng chung cho các bên đi vay)

Thông tư 12 quy định nguyên tắc khi cần thiết, Thống đốc NHNN quyết định việc áp dụng điều kiện về chi phí vay nước ngoài; quyết định và công bố mức trần chi phí vay nước ngoài trong từng thời kỳ. Thực tế, thời gian qua NHNN chưa sử dụng biện pháp quy định trần chi phí vay.

Quy định về trần chi phí vay nước ngoài được IMF khuyến nghị áp dụng trong khuôn khổ chương trình hỗ trợ kỹ thuật về quản lý vay trả nợ nước ngoài cho Việt Nam, theo đó, Việt Nam có thể áp dụng trần “Chi phí toàn bộ” cho nợ nước ngoài tự trả ngắn và trung hạn (trừ tín dụng thương mại và vay nợ của các tổ chức tài chính) nhằm giới hạn chỉ những người vay có uy tín tín dụng và có thể tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý mới được vay nước ngoài.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, chính sách về trần chi phí vay nước ngoài đã được áp dụng tại một số quốc gia (như Ấn Độ, Pakistan) nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động vay nước ngoài của khu vực tư nhân.

NHNN đề xuất các mức trần chi phí vay trên cơ sở xem xét chi phí vay trung bình của các khoản vay nước ngoài được NHNN xác nhận đăng ký và tham khảo mặt bằng lãi suất bình quân cho vay bằng USD và VNĐ trong nước; đồng thời có dự phòng cho xu hướng tăng lãi suất của nhiều NHTW lớn trên thế giới trong bối cảnh lạm phát tại các quốc gia lớn trên thế giới có xu hướng tăng.

Vay nước ngoài chủ yếu là các khoản vay bằng ngoại tệ, một số ít trường hợp đặc thù được vay bằng VNĐ. Do đó, NHNN quy định mức trần chi phí vay chia theo đồng tiền vay là đồng Việt Nam và ngoại tệ để đảm bảo phản ánh sát hơn mặt bằng chi phí vay của từng đồng tiền vay. Đối với chi phí vay bằng ngoại tệ, thực tế cách tính lãi suất vay rất đa dạng (lãi suất thả nổi sử dụng lãi suất tham chiếu phổ

biến, lãi suất thả nổi sử dụng các tham chiếu do bên cho vay tự tính toán, lãi suất cố định, ...), do đó, NHNN đặt ra trần chi phí phân theo tiêu chí khoản vay có sử dụng lãi suất tham chiếu (được định nghĩa là lãi suất được một hoặc một số tổ chức quốc tế tính toán, niêm yết công khai) hoặc không sử dụng lãi suất tham chiếu (lãi suất vay cố định, lãi suất thả nổi tham chiếu đến các chi phí do bên cho vay tự tính toán,...) để bao quát cơ bản các cách thức tính lãi suất hiện nay.

Đối với các khoản vay sử dụng lãi suất tham chiếu, xu hướng tăng lãi suất sẽ phản ánh tại biến động của lãi suất tham chiếu; dự thảo Thông tư đề xuất trần chi phí vay đối với khoản vay bằng ngoại tệ sử dụng lãi suất tham chiếu ở các mức cao so với số liệu thống kê lịch sử (lãi suất tham chiếu + 5%/năm) + khoảng 3%/năm cho các loại phí, tương đương mức *lãi suất tham chiếu + 8%/năm*.

Đối với các khoản vay không sử dụng lãi suất tham chiếu, việc chọn lãi suất “*SOFR Term kỳ hạn 6 tháng do tổ chức CME công bố*” để tính toán mức trần chi phí cho những khoản vay không sử dụng lãi suất tham chiếu công bố rộng rãi là phù hợp do: (i) Lãi suất SOFR Term do tổ chức CME công bố là các mức lãi suất có kỳ hạn được tính toán dựa trên lãi suất SOFR do FED New York công bố và được chính Ủy ban thay thế lãi suất tham chiếu (ACCR) thuộc FED New York khuyến nghị sử dụng, do đó, sử dụng mức này đảm bảo mức trần chi phí đó bám sát biến động lãi suất trên thị trường quốc tế; (ii) tránh việc đặt ra mức cố định mang tính chất “áp đặt” về chi phí mà không có tính thị trường; và (iii) hạn chế việc phải sửa đổi Thông tư khi có biến động lãi suất lớn trên thị trường.

Đối với chi phí vay bằng đồng Việt Nam, dự thảo Thông tư đặt mức trần trên cơ sở tham chiếu lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam cộng với biên độ 8%/năm. Trái phiếu chính phủ (TPCP) là công cụ nợ có rủi ro rất thấp, tính ổn định cao; lãi suất TPCP phản ánh chi phí vay của Chính phủ (đối tượng gần như không có rủi ro tín dụng), do đó có thể sử dụng như lãi suất tham chiếu để tính mức trần chi phí. Dự thảo Thông tư lựa chọn tham chiếu đến lãi suất TPCP trúng thầu (lãi suất thực hiện đối với TPCP phát hành lần đầu – thị trường sơ cấp) là lãi suất phản ánh sát hơn mức giá trái phiếu mà bên mua sẵn sàng mua; và mức tham chiếu tại kỳ hạn 10 năm là loại TPCP được giao dịch thường xuyên với khối lượng giao dịch chiếm tỷ trọng lớn, có tính đại diện cho lãi suất TPCP nói chung và thuận tiện cho việc tra cứu.

Để đảm bảo rõ ràng, dự thảo Thông tư quy định rõ nguyên tắc tính chi phí vay và trách nhiệm của Bên đi vay trong việc tính toán chi phí vay nước ngoài, qua đó đảm bảo khả thi và hạn chế khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình theo dõi việc tuân thủ điều kiện về chi phí vay nước ngoài của Bên đi vay.

2. Về yêu cầu thực hiện giao dịch phái sinh ngoại tệ (Điều kiện áp dụng chung cho các bên đi vay)

Yêu cầu thực hiện giao dịch phái sinh ngoại tệ là quy định mới tại dự thảo Thông tư; mục tiêu nhằm hình thành thói quen bảo hiểm rủi ro ngoại tệ cho các bên đi vay (khi vay nước ngoài, Bên đi vay đã có các nghĩa vụ nợ bằng ngoại tệ và chịu rủi ro về tỷ giá, trường hợp không được bảo hiểm rủi ro, DN có thể chịu thiệt hại trong trường hợp có các biến động về tỷ giá và diễn biến dòng vốn trên thị trường); hạn chế các tác động tiêu cực đến điều hành tỷ giá, thị trường ngoại tệ của NHNN

do các nhu cầu mua/bán ngoại tệ đột biến khi rút vốn, trả nợ KVNN. Chính sách này đồng thời là bước “đệm” cho việc nghiên cứu, áp dụng các biện pháp quản lý có tính an toàn thận trọng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong quá trình nghiên cứu, tiếp cận mô hình quản lý nợ nước ngoài mới.

Yêu cầu thực hiện phái sinh ngoại tệ được đề xuất trên cơ sở khuyến nghị của IMF và kinh nghiệm quốc tế, theo đó, IMF khuyến nghị có thể yêu cầu DN thực hiện bảo hiểm rủi ro truyền thống cho một phần hoặc toàn bộ phần vay nợ không được bảo hiểm bằng bảo hiểm tự nhiên (natural hedge). Các quốc gia như Ấn Độ, Indonexia đều đã có chính sách yêu cầu bảo hiểm rủi ro tỷ giá do vay nợ nước ngoài.

Qua thực tiễn quản lý hoạt động vay trả nợ nước ngoài tự vay tự trả, hiện nay NHNN xác nhận trung bình khoảng trên 2200 khoản vay trung dài hạn; kỳ hạn trả nợ của từng khoản vay có thể theo tháng, quý, 6 tháng, năm, vào ngày đáo hạn hoặc một kế hoạch cụ thể theo thỏa thuận giữa các bên; giá trị trả nợ cũng rất đa dạng, theo tỷ lệ kim ngạch vay hoặc giá trị bất kỳ theo khả năng thu xếp vốn của Bên đi vay. Do đó, việc xác định các mốc giá trị tối thiểu để lọc các giao dịch trả nợ với giá trị lớn, có khả năng ảnh hưởng đến thị trường ngoại tệ là cần thiết, tránh phát sinh quá nhiều giao dịch phái sinh cho DN. Giá trị tham chiếu để thực hiện bảo hiểm rủi ro ở mức 500.000 USD hoặc loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương theo đề xuất tại dự thảo là tương đối cao so với Indonexia, tuy nhiên do đây là chính sách mới được áp dụng, việc đặt giới hạn cao sẽ khoanh vùng các DN có khoản vay lớn tiên phong thực hiện chính sách này; và mục tiêu hướng tới các nhu cầu mua ngoại tệ lớn có thể có ảnh hưởng nhất định đến thị trường ngoại tệ.

Yêu cầu thực hiện phái sinh ngoại tệ không áp dụng trong trường hợp: (i) Bên đi vay là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật hiện hành (đối tượng này đều phải có quy trình bảo hiểm rủi ro ngoại tệ phát sinh trong hoạt động ngoại hối của mình); (ii) Bên đi vay dự kiến có đủ nguồn thu ngoại tệ để trả nợ¹ (được coi là các đối tượng có bảo hiểm tự nhiên; quy trình chứng minh nguồn thu ngoại tệ hoặc xử lý khi không có đủ nguồn thu ngoại tệ như dự kiến tương tự như quy định về cho vay bằng ngoại tệ tại Thông tư của NHNN quy định cho vay bằng ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú).

Việc yêu cầu DN thực hiện giao dịch phái sinh ngoại tệ sẽ từng bước hình thành thói quen phòng ngừa rủi ro tỷ giá; phòng ngừa ở mức độ nhất định đối với các rủi ro tỷ giá phát sinh khi vay nợ nước ngoài và góp phần ổn định thị trường ngoại tệ và công tác điều hành tỷ giá của NHNN. Dự thảo Thông tư có quy định rõ trách nhiệm của Bên đi vay, các TCTD được phép có liên quan đến giao dịch phái sinh để đảm bảo khả thi, do đó giảm thiểu khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách.

¹ Quy định này tương tự quy định về điều kiện để cho vay bằng ngoại tệ tại Thông tư quy định cho vay bằng ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú (số 06/VBHN-NHNN ngày 11/01/2019); quy trình thực hiện việc mua ngoại tệ trả nợ vay khi Bên đi vay không có hoặc chưa có đủ ngoại tệ cũng được thực hiện tương tự Thông tư 06/VBHN-NHNN nêu trên.

3. Điều kiện về các bảo đảm cho khoản vay nước ngoài (áp dụng chung cho các Bên đi vay)

Nghị định 219 quy định nguyên tắc Bên đi vay tự chịu trách nhiệm trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả và tự chịu mọi rủi ro khi thực hiện vay nước ngoài tự vay, tự trả; Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả của các Bên đi vay. NHNN thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay trong hạn mức vay thương mại nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm nhằm đảm bảo giám sát hạn mức vay, các ngưỡng an toàn nợ nước ngoài quốc gia và theo dõi các dòng tiền liên quan đến vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả phục vụ việc tổng hợp cán cân thanh toán quốc tế, điều hành chính sách tiền tệ và quản lý ngoại hối.

Trên cơ sở đó, dự thảo Thông tư chỉnh sửa nội dung quy định về điều kiện giao dịch bảo đảm KVNN tại Thông tư 12 theo hướng quy định rõ Bên đi vay và các Bên liên quan ***tự chịu trách nhiệm*** tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao dịch bảo đảm và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về theo dõi các dòng tiền liên quan đến vay, trả nợ nước ngoài tự vay, tự trả, dự thảo Thông tư bổ sung quy định về đầu mối xử lý tài sản đảm bảo phải là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc pháp nhân khác được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam trong trường hợp KVNN có tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trên lãnh thổ Việt Nam. Quy định này chỉ loại trừ trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm thỏa thuận về xử lý tài sản bảo đảm theo phương thức bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm do phương thức này không làm phát sinh dòng tiền xử lý tài sản đảm bảo.

Quy định này phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật của nước nơi có tài sản theo quy định tại Chương XXVII Bộ Luật Dân sự 2015 về Pháp luật áp dụng đối với quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân và thống nhất với quy định tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 03/2016/TT-NHNN đã được Vụ QLNH xin ý kiến rộng rãi. Đến nay qua tổng hợp ý kiến sơ bộ, Vụ QLNH thấy không có ý kiến phản đối hoặc yêu cầu giải trình thêm đối với quy định này tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 03.

4. Điều kiện riêng áp dụng cho nhóm Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

a. Đối với điều kiện vay ngắn hạn nước ngoài

Trong bối cảnh dư nợ vay nước ngoài của TCTD, DN liên tục tăng trong thời gian gần đây, việc bổ sung các quy định giới hạn về mức vay nước ngoài của nhóm nhóm TCTD là cần thiết nhằm góp phần giảm nhu cầu vay nước ngoài, tránh gây áp lực đến các giới hạn nợ nước ngoài tự vay tự trả và an toàn nợ nước ngoài quốc gia nói chung. Do đó, ngoài các điều kiện áp dụng chung với các Bên đi vay, dự thảo Thông tư bổ sung điều kiện *giới hạn vốn vay ngắn hạn* dựa trên tỷ lệ tối đa tổng dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài (bao gồm cả khoản vay ngắn hạn nước ngoài dự kiến thực hiện) tính trên vốn tự có tại ngày làm việc cuối cùng của năm liền trước thời điểm ký thỏa thuận vay nước ngoài. Quy định này nhằm thực thi mục tiêu quản lý

mức tăng dư nợ ngắn hạn, đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ tăng dư nợ vay nước ngoài ngắn hạn tại thời điểm cuối năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm, qua đó đảm bảo các ngưỡng nợ an toàn.

Quy định về giới hạn vốn vay nước ngoài ngắn hạn được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quản lý vay trả nợ nước ngoài ngắn hạn của Indonexia, theo đó, từ năm 2012, Indonexia đã quy định giới hạn dư nợ vay nước ngoài ngắn hạn của các TCTD trong ngày không quá 30% vốn của TCTD; trong đó vốn của TCTD bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn bổ sung (vốn cấp 1 và vốn cấp 2).

Thực tế, ở Việt Nam, vốn tự có của TCTD (gồm tổng Vốn cấp 1 và Vốn cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ) là nguồn vốn tương đối ổn định, phản ánh quy mô của TCTD, do đó việc giới hạn mức vay nước ngoài ngắn hạn theo quy mô vốn tự có sẽ giới hạn mức dư nợ vay ngắn hạn của TCTD ở mức tương đối ổn định qua các năm và phù hợp với quy mô vốn của TCTD đó. Đồng thời, dự thảo đặt ra lộ trình cụ thể nhằm hỗ trợ các TCTD đang có dư nợ vay cao sẽ có thời gian để điều chỉnh giảm dư nợ vay theo quy định. Nhóm chi nhánh ngân hàng nước ngoài thường phải dựa vào vay từ công ty mẹ để đảm bảo hoạt động; quy mô vốn của nhóm các chi nhánh ngân hàng nước ngoài cũng ở mức rất thấp nên việc đặt giới hạn cao hơn để hỗ trợ các tổ chức này có đủ vốn phục vụ nhu cầu hoạt động.

Chính sách giới hạn mức dư nợ vay nước ngoài ngắn hạn của TCTD tại thời điểm cuối năm vừa tạo sự linh hoạt cho các TCTD trong việc huy động nguồn vốn ngắn hạn trong năm (TCTD có thể vay nhiều hơn mức giới hạn tại các thời điểm trong năm), vừa hỗ trợ đảm bảo chỉ tiêu giới hạn về dư nợ vay nước ngoài ngắn hạn tại thời điểm cuối năm.

b. Đối với điều kiện vay trung dài hạn nước ngoài:

Tương tự vay nước ngoài ngắn hạn, vay trung dài hạn nước ngoài của các TCTD cũng phải đảm bảo tỷ lệ đảm bảo an toàn theo khoản 1 Điều 130 Luật các TCTD và đáp ứng giới hạn vay: tổng mức rút vốn ròng (giá trị rút vốn trừ giá trị trả nợ) của các khoản vay trung dài hạn nước ngoài của Bên đi vay trong năm (bao gồm cả khoản vay trung dài hạn nước ngoài dự kiến thực hiện) tính trên vốn tự có tại ngày làm việc cuối cùng của tháng liền trước thời điểm ký thỏa thuận vay nước ngoài tối đa không vượt quá 10% áp dụng đối với Bên đi vay là ngân hàng thương mại; và 50% áp dụng đối với Bên đi vay là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng chính sách.

Quy định này được đề xuất trên cơ sở mục tiêu quản lý chặt chẽ việc vay nước ngoài nhằm đảm bảo hạn mức vay nước ngoài trung dài hạn theo phê duyệt hàng năm của Thủ tướng Chính phủ. Dự thảo quy định các mức giới hạn dựa trên quy mô vốn tự có; theo đó, nhóm ngân hàng thương mại có quy mô vốn tự có lớn hơn so với nhóm TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng hợp tác xã; do đó, nhóm NHTM được vay tối đa 10% vốn tự có trong khi các nhóm còn lại được vay tối đa 50% vốn tự có.

Giá trị so sánh với vốn tự có là giá trị rút vốn trung dài hạn ròng, không phải dư nợ vay hay tổng kim ngạch vay do hạn mức vay trung dài hạn nước ngoài theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ cũng là mức rút vốn ròng. Với tỷ lệ giới hạn nêu

trên, trường hợp toàn hệ thống TCTD đồng loạt vay nước ngoài thì quy mô vay nợ sẽ ở mức rất lớn, tuy nhiên, qua theo dõi trong nhiều năm gần đây, hoạt động vay nước ngoài cũng chỉ tập trung ở một số TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức giới hạn theo đề xuất tại dự thảo có thể hạn chế việc vay nước ngoài của nhóm các TCTD nêu trên ở mức tương đối hợp lý so với tương quan vay nước ngoài của nhóm DN không phải TCTD, có thể đảm bảo dư địa cho nhóm DN vay nước ngoài phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Việc giới hạn mức vay của TCTD nhằm cân đối hài hòa nhu cầu vốn vay nước ngoài đối với các loại hình DN khác cần vốn để tập trung cho phát triển sản xuất, kinh doanh, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong từng thời kỳ.

5. Điều kiện riêng áp dụng cho nhóm DN không phải Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Hiện nay vay nước ngoài ngắn, trung dài hạn của khu vực DN chiếm khoảng 70-80% tổng dư nợ vay nước ngoài tự vay tự trả của cả nền kinh tế. Với mục tiêu phát triển sản xuất toàn diện, duy trì mức tăng trưởng kinh tế cao theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của giai đoạn 2021-2030, xu hướng DN tăng vay vốn nước ngoài là không tránh khỏi, tạo áp lực lớn đến các chỉ tiêu vay trả nợ nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm (dư nợ vay nước ngoài ngắn, trung dài hạn có xu hướng tiệm cận các mức được phê duyệt). Do đó, dự thảo Thông tư quy định điều kiện vay ngắn và trung dài hạn nước ngoài tập trung vào mục tiêu đảm bảo hỗ trợ các nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của DN, hạn chế vay nước ngoài cho các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao vừa làm tăng dư nợ vay nước ngoài vừa ảnh hưởng tới dư địa vay của các DN phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh thực trong nền kinh tế.

Kế thừa các quy định tại Thông tư 12, dự thảo Thông tư duy trì, đảm bảo hỗ trợ hoạt động vay vốn nước ngoài của DN như: DN vay để thực hiện dự án đầu tư được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư được vay nước ngoài trong giới hạn dư nợ vay trung dài hạn không vượt quá phần chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư và vốn góp ghi nhận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Bên cạnh đó, dự thảo Thông tư bổ sung một số quy định mới nhằm tăng tính minh bạch chính sách và tăng tính linh hoạt cho DN bao gồm (i) quy định rõ DN được thực hiện khoản vay ngắn hạn nước ngoài để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn có nghĩa vụ phải trả trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm ký thỏa thuận vay nước ngoài. Các khoản nợ ngắn hạn quy định tại khoản này được xác định căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ một số mục đích vay tiềm ẩn rủi ro cao); (ii) bỏ yêu cầu về việc chi phí khoản vay mới không cao hơn khoản vay được cơ cấu trong trường hợp vay nước ngoài để cơ cấu lại nợ nước ngoài. Ngoài ra, một số quy định mới nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động vay trả nợ nước ngoài, đảm bảo an toàn nợ nước ngoài và tập trung phát triển sản xuất, cụ thể như sau:

5.1. Đối với vay ngắn hạn nước ngoài, dự thảo Thông tư quy định DN được vay nước ngoài ngắn hạn để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn phát sinh trong vòng

12 tháng kể từ thời điểm ký thỏa thuận vay nước ngoài song **không bao gồm** các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vay với người cư trú; các khoản phải trả phát sinh từ mua chứng khoán kinh doanh; mua phần vốn góp, cổ phần của đơn vị khác; mua bất động sản đầu tư và nhận chuyển nhượng dự án.

Thực tế việc tăng trưởng “nóng”, “ồ ạt” của thị trường chứng khoán và kinh doanh bất động sản tiềm ẩn rủi ro lớn vì có thể tạo ra tình trạng vốn “ảo”, “bong bóng” tài sản, là mầm mống của những bất ổn tài chính vĩ mô. Do đó, trong bối cảnh dòng vốn vay nước ngoài ngắn hạn cần được quản lý chặt chẽ hơn nữa để hạn chế các nguy cơ đảo chiều, cần hạn chế việc DN vay nước ngoài ngắn hạn cho các mục đích tiềm ẩn rủi ro bong bóng giá như chứng khoán, bất động sản. Định hướng quản lý này nhất quán với quan điểm đánh giá rủi ro qua đó cần quản lý chặt chẽ đối với các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bất động sản trong hoạt động cấp tín dụng trong nước (như quy định tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng). Dự thảo Thông tư căn cứ vào chuẩn mực kế toán để xác định các nhu cầu vay vốn ngắn hạn được phép, do đó, các thuật ngữ “chứng khoán kinh doanh”, “bất động sản đầu tư” là các thuật ngữ sử dụng trong hạch toán kế toán, đều thể hiện việc nắm giữ chứng khoán, bất động sản nhằm mục đích kinh doanh.

Ngoài mục đích mua chứng khoán kinh doanh, bất động sản đầu tư, dự thảo Thông tư cũng không cho phép sử dụng vốn vay ngắn hạn để nhận chuyển nhượng dự án đầu tư và mua cổ phần, mua phần vốn góp do việc thực hiện dự án hoặc mua cổ phần, mua phần vốn góp tại DN nhằm thu tóm DN, mua bán sáp nhập để quản lý, phát triển DN về lâu dài là hoạt động mang tính dài hạn; do đó, nếu vay vốn nước ngoài ngắn hạn để thanh toán cho khoản nợ phát sinh từ các mục đích sử dụng vốn trung dài hạn nêu trên sẽ tạo ra rủi ro thanh khoản và đi ngược lại bản chất của dòng vốn ngắn hạn chỉ nhằm hỗ trợ thiếu hụt thanh khoản tạm thời. Bên cạnh đó, trường hợp Bên đi vay nhận chuyển nhượng dự án hoặc mua cổ phần, mua phần vốn góp của DN khác nhưng không nhằm mục tiêu phát triển dự án hoặc quản lý DN mà tiếp tục chuyển nhượng dự án, bán cổ phần cho bên thứ ba thì hoạt động mua đi bán lại này cũng có thể tạo bong bóng giá, không tạo ra giá trị thực cho nền kinh tế và cần bị hạn chế. Như vậy, đối với cả hai trường hợp chuyển nhượng dự án và mua cổ phần, mua phần vốn góp nêu trên đều tiềm ẩn rủi ro cao và không nên cho phép sử dụng vốn vay ngắn hạn nước ngoài.

Với định hướng kiểm soát chặt chẽ hoạt động vay trả nợ nước ngoài của DN, việc quy định DN không được vay nước ngoài ngắn hạn cho các mục đích tiềm ẩn rủi ro cao nêu trên là cần thiết; một mặt yêu cầu chính các DN này quản trị rủi ro tốt hơn trong hoạt động, mặt khác hỗ trợ việc ưu tiên tập trung nguồn vốn vay nước ngoài cho các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

5.2. Đối với các trường hợp vay trung dài hạn nước ngoài để tăng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dự thảo Thông tư quy định:

“b) Trường hợp vay nước ngoài để tăng quy mô vốn thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên đi vay: Số dư nợ vay trung, dài hạn trong nước và nước

ngoài (bao gồm cả khoản vay trung dài hạn nước ngoài dự kiến thực hiện) của Bên đi vay không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất tại thời điểm ký thỏa thuận vay nước ngoài hoặc vốn điều lệ trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ của Bên đi vay”

Đối với các DN vay nước ngoài để thực hiện Dự án đầu tư đã được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quy mô dự án đầu tư, cơ cấu vốn thường đều được cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động đầu tư thẩm định, ghi nhận; do đó, giới hạn vay vốn nước ngoài luôn được xác định rõ và đầy đủ cơ sở thực hiện. Đối với các DN thực hiện phương án kinh doanh không được cấp Giấy CNĐKĐT, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quy mô vay vốn nước ngoài của các DN này cần phù hợp với quy mô vốn của DN để hạn chế rủi ro tài chính của bản thân DN và đảm bảo quy mô vay vốn của tổng thể nhóm DN này ở mức hợp lý. Việc quy định một tỷ lệ giới hạn vay áp dụng chung cho tất cả các đối tượng vay để tăng vốn sản xuất kinh doanh mà không được cấp Giấy CNĐKĐT/QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ đảm bảo công bằng cho các DN thuộc nhóm đối tượng này.

Hiện nay, nhiều tổ chức quốc tế cũng như các quốc gia khác đều sử dụng hệ số vốn vay/vốn chủ sở hữu để hạn chế tình trạng vốn mỏng (DN sử dụng chủ yếu vốn vay thay vì vốn chủ sở hữu trong hoạt động kinh doanh). Trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài, NHNN thấy nhiều bên cho vay nước ngoài đòi hỏi bên đi vay trong nước phải đáp ứng tỷ lệ tổng nợ phải trả (gồm cả nợ trong nước, nợ nước ngoài ngắn và trung dài hạn)/vốn chủ sở hữu không quá 3:1, ràng buộc tại các hợp đồng vay nước ngoài. Tại Việt Nam, tỷ lệ hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu cũng đã được áp dụng để khống chế dư nợ vay của các DN nhà nước² (không quá 3:1).

Trong tài chính, tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là một chỉ số quan trọng đánh giá đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp. Nợ trong tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu khá rộng, bao gồm nợ ngắn hạn, đáo hạn trong vòng một năm và nợ dài hạn với thời gian đáo hạn hơn một năm (chẳng hạn như các khoản vay hoặc thế chấp). Tuy nhiên, để đảm bảo dễ tính toán, thuận lợi trong việc kiểm soát việc tuân thủ của DN và phần nào vẫn linh hoạt tạo cơ hội cho DN thu xếp nguồn vốn qua kênh vay nước ngoài, dự thảo đề xuất chỉ tính dư nợ các khoản vay trung, dài hạn (trong nước và nước ngoài), không phải tất cả các nghĩa vụ nợ như được tính toán theo công thức nêu trên.

Việc đưa ra giới hạn vay vốn đối với mục đích vay nhằm tăng quy mô hoạt động nêu trên vừa đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp; vừa hạn chế việc vay quá mức gây áp lực đến hạn mức vay trả nợ nước ngoài tự vay tự trả theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài các quy định nêu trên, dự thảo Thông tư cũng chỉnh sửa một số nội dung mang tính kỹ thuật, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật khác và khả thi trong quá trình thực hiện quy định (như điều chỉnh đối tượng áp dụng để dự thảo Thông tư bao quát tất cả các hình thức vay

² Quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 71/2013/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

nước ngoài; quy định rõ các trường hợp được vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam và bỏ quy định về trường hợp vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam phải được Thống đốc NHNN chấp thuận; bổ sung quy định rõ trách nhiệm của Bên đi vay và các TCTD có liên quan;...).


